

TÌM HIỂU HỆ THỐNG THỦ PHỦ THỜI CÁC CHÚA NGUYỄN

(Tiếp theo và hết)

PHAN THANH HẢI*

II. NHỮNG ĐẶC TRƯNG NỔI BẬT CỦA ĐÔ THỊ HUẾ TỪ KHI THÀNH LẬP ĐẾN CUỐI THỜI CHÚA NGUYỄN

1. Thủ phủ: Sự kế thừa lối qui hoạch đô thị truyền thống - đô thị giữa hai dòng sông và chọn trục Tây Bắc - Đông Nam

Từ kinh nghiệm khảo sát các đô thị cổ Việt Nam, Giáo sư Trần Quốc Vương cho rằng, một trong những đặc điểm nổi bật nhất của lối quy hoạch đô thị truyền thống Việt là đô thị nước hay đô thị giữa hai dòng sông (ville fleuve). Nghĩa là đô thị cổ của người Việt luôn luôn được đặt giữa hai dòng sông: Sông trước-sông sau, hay nói cách khác, yếu tố mặt nước luôn bao quanh đô thị của người Việt (18).

Đối với các chúa Nguyễn, chúng ta đã thấy từ Ái Tử, Trà Bát, Dinh Cát đến Phước Yên rồi Kim Long, luôn là lối quy hoạch đô thị giữa hai dòng sông và bao giờ cũng dựa vào một dòng sông lớn - chủ của hệ sông đó chảy qua phía trước mặt và các dòng sông nhỏ, thường là phụ lưu, chi lưu của dòng sông lớn ấy chảy bao phía sau. Nhìn một cách toàn diện, sự thay đổi vị trí các thủ phủ thực chất chỉ là sự dịch chuyển từ hệ sông này sang hệ sông khác của đất Thuận Hóa, cụ thể là 3 hệ thống sông: Hệ

sông Thạch Hãn - Ái Tử (ở Quảng Trị); Hệ sông Bồ và các phụ lưu của nó; Hệ sông Hương-Kim Long-Bạch Yến.

Mặt khác, trong điều kiện địa lý cụ thể của Đàng Trong, dòng sông có ý nghĩa đặc biệt quan trọng với cuộc sống của cư dân. Xứ sở đã từng được Alexandre de Rhodes mô tả: "... rất giàu vì có đất đai phì nhiêu với hai mươi bốn con sông cung cấp nước, cũng nhờ đó mà rất tiện việc đi lại bằng đường sông ngòi, tiện việc thông thương và hành trình" (19). Còn Hoà thượng Thích Đại Sán thì ghi nhận: "Các đô ấp đều tựa núi day mặt ra biển, núi cao sông hiểm, cây rừng rậm rạp, nhiều tê tượng hùm beo, các phủ không có đường lối thông nhau, mỗi phủ đều do một cửa biển đi vào; muốn đi từ phủ này sang phủ khác tất do đường biển, thuyền đi biển khó đi gần bờ vì sóng lớn; gặp gió xuôi đi chừng một ngày, nếu ngược gió không chừng 10 ngày, nửa tháng mới có thể đi thông từ cửa này qua cửa khác" (20).

Cũng từ đó mà đối với cư dân Đàng Trong, vai trò của chiếc thuyền trở nên đặc biệt quan trọng (21).

Như vậy, việc áp dụng mô thức đô thị truyền thống - đô thị giữa hai dòng sông - đối với việc xây dựng các thủ phủ tại Đàng

* Th.S. Trung tâm Bảo tồn Di tích cố đô Huế.

Trong điều dựa trên điều kiện cụ thể của xứ sở này. Trong việc xây dựng thủ phủ Kim Long truyền thống trên đã được vận dụng rất thành công.

Nhưng chỉ đến khi chọn vùng đất bên bờ sông Hương để xây dựng trung tâm chính trị đầu não của Đàng Trong thì mô hình: *Thánh địa (núi đồi) - trung tâm chính trị (đồng bằng) - cảng (biển)* mới định hình rõ. Trung tâm chính trị này (Kim Long và sau là Phú Xuân) kết hợp với thánh địa-chùa Thiên Mụ trên đồi Hà Khê (xa hơn nữa có núi chủ Kim Phụng) và cảng thị Thanh Hà (ở cùng cửa Thuận An phía biển) để tạo nên một kết cấu hoàn chỉnh.

Một đặc điểm đáng chú ý khác của Huế là trục và hướng của đô thị này. Theo sự xác định của chúng tôi, từ phủ Kim Long đến phủ Phú Xuân rồi Đô thành Phú Xuân đều hướng về Nam, hơi chệch Đông Nam. Nghĩa là trục quy hoạch đô thị là trục Càn (Tây Bắc) - Tốn (Đông Nam), tương tự như trục chính của Kinh thành Huế thời Nguyễn. Đây là hướng truyền thống của đô thị người Việt tại miền Trung và miền Nam, nó vừa biểu hiện xu thế Nam tiến của người Việt vừa biểu hiện một quan niệm đã từng được dân gian tổng kết "lấy vợ hiền hòa, làm nhà hướng Nam". Đây cũng là điểm khác biệt giữa phong cách quy hoạch đô thị giữa hai miền thời tiền cận đại: Miền Bắc luôn phải lo đối phó với giặc phương Bắc nên đô thị luôn nằm ở phía Nam dòng sông chính và hướng về phía Bắc (Thăng Long là đô thị tiêu biểu cho cách quy hoạch này); Miền Nam thì tư tưởng Nam tiến là chủ đạo nên đô thị luôn nằm ở bờ Bắc sông chính và hướng về Nam.

Nhưng phải nói rằng, chỉ khi đến Huế, thủ phủ của chúa Nguyễn mới khẳng định

được rằng, trục Tây Bắc - Đông Nam là phù hợp nhất đối với các đô thị của xứ sở này. Kinh nghiệm này được rút ra từ thực tế vùng đất miền Trung, các mạch núi chính của dãy Trường Sơn đều chạy theo hướng Tây Bắc- Đông Nam, còn các dòng sông đều chảy từ Tây sang Đông. Vì vậy, nếu đô thị được quy hoạch theo trục Tây Bắc - Đông Nam thì vừa thuận thế núi vừa nương theo được thế nước, tránh được hiện tượng bị dòng nước chảy đâm ngang vào thân. Chúng ta thấy, sau Kim Long, các thủ phủ Phú Xuân, Đô thành Phú Xuân và cả Kinh thành Phú Xuân thời vua Nguyễn đều kế thừa nguyên vẹn cách quy hoạch đô thị theo trục trên.

Như vậy, chúng ta thấy các thủ phủ gắn liền với sông Hương không chỉ kế thừa những đặc điểm của phong cách quy hoạch đô thị truyền thống mà còn sáng tạo và góp phần định hình những đặc điểm mới của đô thị Huế nhằm thích ứng với điều kiện hoàn cảnh môi trường của vùng đất này.

2. Đô thị Huế thời chúa Nguyễn với phong cách quy hoạch đô thị nhà vườn

Giáo sư Trần Quốc Vương đã nhận xét: "Đô thị Việt đều là đô thị sông nước nhưng nếu Sài Gòn là một cảng thị, Hà Nội là một thành phố nội địa với tính hướng nội (introverti) rất cao thì Huế lại là một thành phố nhà vườn, thành phố thơ..." (22). Có thể nói tính chất thành phố vườn đã góp phần rất lớn làm nên chất thơ của Huế. Và phong cách nhà vườn lại có từ rất sớm, theo chúng tôi, ít ra là từ thời trung tâm Huế còn ở Kim Long, sau đó được hoàn thiện dần khi thủ phủ chuyển về Phú Xuân.

Mặc dù mang đậm tính chất quân sự nhưng thủ phủ Kim Long đã có bản sắc một đô thị - nhà vườn. Dinh thự của chúa, phủ đệ của thân vương, quan lại đều là

những ngôi nhà Rường với bộ khung gỗ chắc chắn, những cột, kèo được chạm trổ tinh vi mà trong hồi ký *Hành trình và truyền giáo*, Giáo sĩ Alexandre de Rhodes đã không dấu nổi sự thán phục. Những ngôi nhà ấy đều có khuôn viên rộng, bên trong trồng đủ loại cây trái theo lối "bách thảo đồng viên" mà nhà vườn xứ Huế sau này vẫn kế thừa. Ngay cả khu vực dành cho quân đội thì nhà ở của mỗi người lính đều có một không gian riêng với chiếc sân, mảnh vườn nhỏ...

Đến khi thủ phủ chuyển về Phú Xuân thì lối quy hoạch phố thị-nhà vườn đã trở nên phổ biến. Trong mô tả của Lê Quý Đôn chúng ta thấy rõ, từ phủ chính của chúa đến hệ thống phủ đệ nhà của của tầng lớp thân vương, quan lại bố trí xung quanh và dọc theo các trục sông Hương, sông An Cựu, sông Kim Long... đều theo phong cách nhà vườn.

Theo một số nhà nghiên cứu kiến trúc cổ, nhà Rường là một sản phẩm đích thị của Huế, do cư dân ở đây sáng tạo ra trên cơ sở kiến trúc nhà ở truyền thống của người Việt. Kết cấu nhà Rường rất phù hợp với đặc điểm khí hậu môi trường của miền Trung Việt Nam. Sau này trong kiến trúc cung đình thời vua Nguyễn, những ngôi điện đồ sộ theo kiểu nhà kếp "trùng thiềm điệp ốc" thực chất cũng là những ngôi nhà Rường lớn ghép lại với nhau (23). Kiến trúc nhà Rường thường được đặt trong một không gian thoáng rộng, gắn bó mật thiết với môi trường tự nhiên. Bởi vậy nhà Rường thường gắn liền với vườn tạo nên một loại hình kiến trúc độc đáo, mang đậm bản sắc địa phương - kiến trúc nhà vườn.

Trong thời kỳ Kê Huế-Kim Long (1636 - 1687) đáng tiếc là chưa thấy tư liệu nào mô tả tường tận về cấu trúc một ngôi nhà vườn. Nhưng chỉ sau đó ít năm, khi Hòa

thượng Thích Đại Sán đến Huế (năm 1695) đã mô tả về "Phủ Quốc mẫu" (phủ của mẹ chúa): Cách Vương cung chừng một dặm.. Lâu đài đối diện, chỉ cách một con sông mà theo chúng tôi, vị trí mà Thích Đại Sán cho biết này chính là nằm trong địa phận phủ thờ Kim Long:

"Cửa lâu cao lớn rộng rãi, suối nước bao quanh, lùm cây dâm mát; thông ngang cầu ván, rào kín dậu tre. Trong vườn mít xây trái chín, dứa kết chùm xanh, dậu thuốc thấp cao, giàn hoa rực rỡ. Khổng tước bay lượn phía dưới, hươu nai ăn ngủ bên trong. Chính giữa là Phật điện, sạch sẽ thanh u, siêu trần thoát tục, có ý vị một cõi Đào-nguyên. Tuy đang mùa hạ nắng oi, ở đây vẫn chiếu giương mát lạnh" (24).

Thật đúng là khung cảnh của một ngôi nhà vườn điển hình kiểu Huế!

Khi Thích Đại Sán đến Huế, thủ phủ của chúa Nguyễn mới chuyển từ Kim Long về Phú Xuân được 8 năm, rất có thể toàn bộ kiến trúc của phủ Quốc Mẫu là còn lại từ thời kỳ Kim Long. Như vậy, ngay từ thời kỳ Kim Long là thủ phủ của Đàng Trong, phong cách nhà vườn không những đã hình thành mà còn phát triển đến độ khá hoàn chỉnh tại đô thị đầu não này. Và từ nhà vườn đến đô thị, Kim Long đã xây dựng để định hình nên một phong cách đô thị mới: *Đô thị - nhà vườn*.

3. Mô hình kết hợp đô + thị với sự phát triển của các hoạt động thương mại

Đô thị Cổ - Trung đại Việt Nam hầu hết có đủ các thành tố: Thành - thị - phố - đô. Trong đó có thể hiểu, thành là diện mạo vật chất trong hoạt động quân sự; Phố là điểm tụ cư; Thị theo nghĩa chung là các hoạt động kinh tế, nghĩa hẹp là các chợ, các trung tâm buôn bán trao đổi; Đô theo nghĩa rộng là trung tâm tụ hội về mọi mặt nhưng

nghĩa hẹp lại là nơi đóng trụ sở của các cơ quan hành chính của chính quyền trung ương. Dù có nội dung riêng nhưng các thành tố trên có sự gắn bó hữu cơ với nhau, trong đó tổ hợp đô - thành, phố - thị có nhiều điểm tương đồng (25).

Đặc điểm nổi bật của đa số đô thị Việt Nam là phần đô bao giờ cũng nổi trội hơn phần thị, chi phối đến sự hưng thịnh, tồn vong của phần thị, dù hiểu trên cả nghĩa rộng: Thị là toàn bộ các hoạt động kinh tế trong quan hệ đối sánh với phần đô. Lược qua quá trình phát triển của hệ thống thủ phủ chúng ta đã thấy rõ đặc điểm trên, phần thị bao giờ cũng biến động thay đổi theo sự biến đổi của phần đô của nó. Và thời kỳ các thủ phủ đóng bên bờ sông Hương cũng không phải là ngoại lệ.

Sự ra đời của Kim Long và sau là Phú Xuân với tư cách như một trung tâm đầu não của Đàng Trong đã làm cho các hoạt động kinh tế ở khu vực Huế phát triển mạnh mẽ: Các quan xưởng nhà nước cùng các làng nghề thủ công dân gian ra đời hàng loạt, mạng lưới chợ mở rộng về cả quy mô và số lượng hàng hóa, nhưng đáng chú ý nhất vẫn là sự ra đời của phố cảng Thanh Hà - đại diện tiêu biểu của phần thị trong kết cấu của một đô-thị Huế đang trong giai đoạn hình thành.

Thanh Hà là một phố - cảng được hình thành "Do nhu cầu chính trị, quân sự của nhà nước phong kiến họ Nguyễn để đối đầu với họ Trịnh ở Đàng Ngoài; do yêu cầu tiêu dùng của nhân dân, nhất là việc phát triển kinh tế hàng hóa địa phương trong thế kỷ XVII đã vượt ra ngoài phạm vi đất nước, một luồng thương nghiệp siêu quốc gia ở Đông Nam Á được hình thành mà chủ yếu là những nước có thị trường nằm bên cạnh các cửa biển, các con sông. Trong hoàn cảnh đó đòi hỏi phải có một cảng khẩu tiêu

biểu nhất ở đất Thuận Hóa nằm bên cung phủ Kim Long được ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu kinh tế ở trong và ngoài nước, nhất là ý muốn của nhà nước cai trị đóng trấn ở đây" (26). Trên thực tế, Thanh Hà chưa phải là một đô thị-thương cảng như Hội An nhưng nó là một phố cảng và từng nổi danh là một trung tâm buôn bán trao đổi sầm uất nhất tại khu vực Huế trong suốt mấy thế kỷ (27). Hoạt động ở phố cảng Thanh Hà đã có những tác động tích cực và mạnh mẽ đối với nền kinh tế hàng hóa của Thuận Hoá và toàn xứ. Hệ thống làng nghề thủ công của nhà nước và dân gian đều có bước phát triển lớn cả về quy mô, số lượng và chất lượng mặt hàng. Mạng lưới chợ phát triển rộng lớn và có mối quan hệ chặt chẽ từ chợ địa phương với những tên gọi phong phú: Chợ Hôm, chợ Mai, chợ Phiên, chợ Dinh v.v... Và cùng với sự phát triển của kinh tế sản xuất hàng hóa và mạng lưới lưu thông phân phối, hệ thống kho tàng, bến cảng cũng hình thành. Lợi thế về giao thông đảm bảo cho Thanh Hà là nơi phân tiêu hàng hóa của hệ thống sông ngòi nội địa và đường biển viễn dương của các đội thương thuyền nhiều nước trên thế giới.

4. Đô thị Huế thời chúa Nguyễn với cách quy hoạch đô thị - phong thủy

Suốt từ thời Kim Long đến thời kỳ Phú Xuân, khi gắn liền với hệ sông Hương, thủ phủ các chúa Nguyễn đã được quy hoạch tuân theo các nguyên tắc phong thủy địa lý. Ở thời kỳ Kim Long (1636-1887), cũng là trục Càn-Tốn trong thế đất "thủy đáo diện tiền", "tứ thủy triều quy" nhưng tiên án, hậu chẩm của đô thị này chưa được quy chuẩn lắm. Có lẽ đây cũng là một trong những lý do khiến chúa Nguyễn Phúc Thái có sự điều chỉnh thủ phủ về Phú Xuân. Hơn nữa, từ khi thủ phủ trở thành Đô

thành tại Phú Xuân, cách quy hoạch mới thể hiện đậm nét màu sắc phong thủy.

Theo quan điểm địa lý phương Đông, đất Phú Xuân chính là nơi hội tụ được các điều kiện lý tưởng để thực hiện việc định đô cho họ Nguyễn sau bao năm kiếm tìm. Khi phân tích về cuộc đất này, Lê Quý Đôn đã hết lời ca ngợi: "Đất rộng bằng như lòng bàn tay, rộng độ hơn mười dặm, ở trong đất cao, bốn bề đều thấp, tức là chỗ nổi bật giữa đất bằng ngội vị Càn (Tây-Bắc), trông hướng Tốn (Đông-Nam), dựa ngang sống đất, trông xuống bến sông; đằng trước là quần sơn, châu về la liệt, toàn thu nước ở bên hữu, vật lực thịnh giàu". Nhìn trên toàn cục thì "Dinh Phú Xuân có năm lần hổ thủy [nước về phía hữu] ôm đằng trước... có ba lần long sa [cát ở bên tả] ngăn bên tả" (28). Cuộc đất ấy lại có Hòn Mồ (tức núi Ngự Bình) cân phân, vũng chãi làm án trước mặt; Có hai hòn đảo nổi lên trên sông Hương là Cồn Hến và cồn Dã Viên tạo ra thế tả long, hữu hổ châu về hai bên; Nước sông Hương luôn ăm áp trước mặt - kiểu "thủy đáo diện tiền"; Bốn phía xung quanh đều có sông bao bọc, thực đúng "tứ thủy triều quy", "cán thủy hoàn thành" (bốn bề có nước, nước bọc quanh thành).

Trên cuộc đất ấy, việc quy hoạch Huế được tuân theo thuyết Ngũ Hành khá hoàn chỉnh. Đô thành nằm ở vị trí trung tâm trên Vương đảo, tại bờ Bắc sông Hương. Phía Nam-tượng hoả-cũng là Minh đường để thoáng rộng nên hầu như không có công trình kiến trúc gì đáng kể; Phía Bắc-tượng thủy-cũng là Hậu chẩm cố tình để vùng làng mạc bằng phẳng để hậu vận yên ổn, con cháu phát đạt; phía Đông-tượng mộc-lợi về kim nên bố trí chợ búa (có cảng Thanh Hà, chợ Dinh...); Phía Tây-tượng kim, nhưng bị dòng nước chảy xói vào nên là vùng xây chùa miếu để trấn yểm cho yên

ổn... ý tưởng quy hoạch này vẫn được giữ nguyên vẹn trong suốt các triều vua Nguyễn về sau dù Kinh thành Huế đã được mở rộng quy mô hơn nhiều.

*

Nhìn lại quá trình xây dựng hệ thống thủ phủ của các chúa Nguyễn ở Đàng Trong trong suốt hơn 200 năm (1558-1775), chúng tôi có một số nhận xét sau:

Mặc dù có đến 8 lần dời dựng, thay đổi vị trí khác nhau (Ái Tử, Trà Bát, Dinh Cát, Phước Yên, Kim Long, Phú Xuân lần 1, Bắc Vọng và Đô thành Phú Xuân) nhưng tựu trung, thủ phủ của các chúa Nguyễn đều gắn liền với 3 hệ thống sông lớn thuộc địa bàn 2 tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế là hệ thống sông Thạch Hãn - Ái Tử, hệ thống sông Bồ và chi lưu của nó và hệ thống sông Hương với các chi lưu, phụ lưu của nó (sông Bạch Yến, sông Kim Long). Quá trình dịch chuyển vị trí của các thủ phủ luôn gắn liền với công cuộc Nam Tiến của người Việt trong thời kỳ này và bản thân các vị trí đó có xu hướng dịch chuyển về phía Nam. Xét về mặt lựa chọn vị trí để xây dựng một đô thị đầu não của Đàng Trong, đó chính là quá trình các thủ phủ của chúa Nguyễn được thể nghiệm để tìm ra Huế.

Cùng với sự hình thành và phát triển của Đàng Trong với tư cách là một miền đất mới, một quốc gia độc lập, các thủ phủ của chúa Nguyễn cũng có những bước phát triển và thay đổi để luôn đảm bảo được vai trò, vị trí của mình. Những thay đổi đó thể hiện chủ yếu ở 2 mặt: Thứ nhất, hình thức, qui mô có sự thay đổi theo hướng phát triển mà biểu hiện cụ thể nhất là qua tên gọi: Từ **Dinh** (thời kỳ Ái Tử, Trà Bát, Dinh Cát) đến **Phủ** (thời kỳ Phước Yên, Kim Long, Phú Xuân lần 1, Bắc Vọng) đến **Đô thành** (thời kỳ Phú Xuân lần 2). Thứ hai, tính

chất đô thị của các thủ phủ cũng có sự thay đổi theo hướng phát triển. Khi còn gắn liền với hệ thống sông Thạch Hãn - Ái Tử, các dinh Ái Tử, Trà Bát và Dinh Cát (từ năm 1558-1626) vẫn hoàn toàn mang tính chất quân sự. Yếu tố đô thị (thể hiện qua sự kết hợp giữa phần "Đô" và phần "Thị") chỉ xuất hiện và phát triển bắt đầu từ thời kỳ phủ Phước Yên (1626-1636) và trở nên khá hoàn chỉnh từ thời kỳ Kim Long (1636-1687), khi thủ phủ gắn liền với hệ sông Hương để hình thành nên *Kẻ Huế*. Qua thời kỳ Đô thành Phú Xuân (1738-1775), thủ phủ của chúa Nguyễn đã là một đô thị tầm cỡ của Đàng Trong, được qui hoạch chu đáo với các ý đồ rất rõ ràng. Có thể nói, tư tưởng qui hoạch đô thị của thời kỳ Đô thành Phú Xuân đã có nhiều điểm tương đồng với thời kỳ sau nó - thời kỳ Huế trở

thành Kinh đô của cả nước Việt Nam thống nhất, đầu thế kỷ XIX.

Chính vì đặc điểm này, chúng tôi đã đi đến nhận định, những đặc trưng nổi bật hiện nay của Huế với tư cách là một đô thị như *thành phố có sự quy hoạch theo thuyết phong thủy, thành phố nhà vườn-thành phố thơ...* đã được hình thành từ thời kỳ các chúa Nguyễn xây dựng thủ phủ bên bờ sông Hương cách đây gần 4 thế kỷ. Qua thời gian, những đặc trưng ấy ngày càng phát triển và được bảo tồn vững chắc cùng quá trình phát triển của đô thị Huế. Chính vì điều này, việc nghiên cứu Huế từ thời kỳ chúa Nguyễn sẽ góp phần rất quan trọng trong việc giải mã những "bí ẩn" của đô thị này trong quá khứ và hiện tại.

Huế, tháng 5-2004

CHÚ THÍCH

(18). Xem: Trần Quốc Vượng, *Xứ Huế, những giá trị lịch sử - văn hóa*. Trong: Theo dòng lịch sử - Những vùng đất, Thân và tâm thức người Việt. Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 1996, tr. 405-406.

(19). Xem: A. D.Rhodes. *Hành trình và truyền giáo*, bản dịch của Hồng Nhuệ, Tủ sách Đại Kết, Ủy ban Đoàn kết công giáo Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, tr. 49.

(20). Thích Đại Sán. *Hải ngoại kỷ sự*. Sđd, tr. 31-32.

(21). Đàng Trong của các chúa Nguyễn hầu như là một vương quốc dùng thuyền: Thuyền để đi lại, thuyền để giao thương, thuyền dùng trong chiến trận... Cũng là lần đầu tiên trong lịch sử, khái niệm thuyền được dùng như một danh từ chỉ một đơn vị quân đội cơ bản, khoảng từ 30-100 người. Các cuộc diễn tập của quân đội chúa Nguyễn chủ yếu cũng diễn ra trên sông nước.

Năm 1653, chúa Nguyễn Phúc Tần đã tổ chức một cuộc duyệt binh rất lớn trên sông An Cựu, huy động đến 22.700 binh sĩ tham gia. Trong các binh chủng của quân đội chúa Nguyễn, thủy binh luôn là lực lượng chủ yếu, đến mức Litana đã nhận xét: "sự khác biệt về thủy quân và quân đội dưới thời các chúa Nguyễn không rõ ràng" (Xem: Tana Li: *Xứ Đàng Trong, lịch sử Kinh tế - Xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*. Bản dịch của Nguyễn Nghị, Nxb. Trẻ, 1999, tr. 29.

Hòa thượng Thích Đại Sán cũng đã mô tả: "Sau khi vào quân đội rồi, triều đình bắt mỗi người chuyên học một nghề, sau đó đưa họ đến các chiến thuyền để luyện tập" (Xem: Thích Đại Sán. *Hải ngoại kỷ sự*. Sđd, tr. 23).

(22). Xem: Trần Quốc Vượng: *Về di sản văn hóa xứ Huế*. Trong: Theo dòng lịch sử - Những vùng đất, Thân và tâm thức người Việt. Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1996, tr. 416-417.

(23). Chu Quang Trứ, Nguyễn Tiến Cảnh, Trần Lâm Biên... *Mỹ thuật Huế*. Viện Mỹ thuật - Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế. Huế, 1992, tr. 31.

(24). Thích Đại Sán. *Hải ngoại kỷ sự*. Sdd, tr. 113.

(25). Nguyễn Văn Đăng: *Yếu tố thị trong đô thị Huế trước năm 1945*. Kỷ yếu Hội thảo Khoa học 310 năm Phú Xuân - Huế. Huế, 1997, tr. 46.

(26). Đỗ Bang. *Phố cảng vùng Thuận - Quảng thế kỷ XVII-XVIII*. Nxb. Thuận Hóa - Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Hà Nội, 1996, tr. 105.

(27). Vị trí của cảng và phố Thanh Hà ngày nay được xác định thuộc thôn Minh Thanh và một phần nhỏ của đất làng Địa Linh, xã Hương Vinh, huyện Hương Trà, sát bên Tả ngạn sông Hương, cách Kim Long hơn 5 km về phía Hạ lưu và chỉ cách của biển Thuận An chừng 10 km. Với vị trí trên bến dưới thuyền thuận lợi, cư dân có truyền thống buôn bán nên từ buổi đầu mới lập làng, Thanh Hà đã là một chợ làng, nơi tụ hội của cư dân nhiều xã lân cận đến để trao đổi hàng hóa. Sự lớn lên của thương nghiệp Thanh Hà đồng thời với sự phát triển của chế độ cát cứ dưới thời chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Ngay từ khi chúa Nguyễn Phúc Lan dời đô từ Phước Yên vào Kim Long đã cho thành lập phố cảng này, nghĩa là từ năm 1636. Đến năm 1658 (năm Thịnh Đức thứ 6), chúa Nguyễn Phúc Tần lại "thi ân cho lập phố tại đất đồn thổ thuộc làng Thanh Hà và Địa Linh là 1 mẫu 2 sào 5 thước 4 tấc". Đây là cái "rốn đất" thương nghiệp đầu tiên của Thanh Hà, còn đến khi phát triển cực thịnh phố cảng này có chu vi dài đến 2 km (Xem: Đỗ Bang. *Phố cảng vùng Thuận - Quảng thế kỷ XVII-XVIII*. Nxb. Thuận Hóa - Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Hà Nội, 1996, tr. 100).

Nhờ tiếp xúc với thương nhân nước ngoài, nhất là Hoa thương, Thanh Hà trở thành một thương cảng lớn nhất của Thuận Hóa, thu hút nhiều tàu buôn bán của Trung Quốc, Nhật Bản, của các nước phương Tây như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Pháp, Anh, Hà Lan... Thanh Hà ban đầu chỉ đóng vai trò như một cảng sông nội địa làm nhiệm vụ phân phối hàng hóa cho thương cảng quốc tế Hội An tại khu vực đô phủ nên về mặt hành chính, phố Thanh Hà trực thuộc phố Hội An của Quảng Nam. Về sau, Thanh Hà tách hẳn thành một đơn vị hành chính độc lập với tên gọi Minh Hương, xã Thanh Hà phố, qui mô và vai trò của phố cảng này cũng ngày càng lớn lên. Năm 1645, khi giáo sĩ Alexandre de Rhodes trở lại Huế, ông đã gọi Thanh Hà là thành phố nhỏ để phân biệt với Kim Long là thành phố lớn. Trên thực tế, tương ứng với thời kỳ tồn tại của thủ phủ Kim Long, dù phố cảng Thanh Hà chưa thật bề thế, qui mô về hình thức nhưng hoạt động của nó đã rất nhộn nhịp. Thanh Hà là đầu mối cảng khẩu nhập và xuất hầu hết các nguồn hàng hóa vào ra của đô phủ và toàn vùng Thuận Hóa. Phố Thanh Hà bao gồm những cửa hàng, những đại lý xuất nhập khẩu và tất cả những nhà cho thuê dành cho các thương khách ở xa, chủ yếu là thương nhân Trung Quốc mới đến, hoặc thương nhân giữa hai mùa mậu dịch tháng 10-11 cuối năm đến tháng 4-5 năm sau (Xem: Đỗ Bang. *Phố cảng vùng Thuận - Quảng thế kỷ XVII-XVIII*. Nxb. Thuận Hóa - Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Hà Nội, 1996, tr. 100).

(28). Lê Quý Đôn Toàn tập, tập I: *Phủ biên tạp lục*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997, tr. 112-113.